

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 173/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 6 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1984; số định danh cá nhân: 038184036829; địa chỉ: Khu phố X, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1979; số định danh cá nhân: 038079013173; địa chỉ: Khu phố X, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C qua tìm hiểu, lấy nhau

là do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào ngày 28/11/2003, nhưng đến ngày 17/9/2005 thì mới làm đăng ký kết hôn tại UBND xã X (nay là thị trấn S), huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, anh C thường xuyên rượu chè say xỉn, nhiều lần hành hung, đánh đập chị. Gia đình có hòa giải hàn gắn tình cảm cho vợ chồng nhưng không có kết quả, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Từ tháng 7/2023 vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị Bùi Thị H xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Hậu G, sinh ngày 10/10/2003; cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 09/4/2007 và cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 02/3/2016. Quan điểm chị H là: Con chung là cháu Nguyễn Hậu G và cháu Nguyễn Như Q hiện nay đã thành niên (trên 18 tuổi), có sức khỏe tốt đã đi làm có thu nhập, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung là cháu Nguyễn Thanh B đang còn nhỏ và hiện nay đang ở với chị, thì chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị H trình bày: Hiện nay chị đang làm công việc buôn bán rau củ quả tại chợ đầu mối tỉnh Thanh Hóa, với thu nhập bình quân là 10.000.000đ/tháng, có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con tốt.

Về tài sản và công nợ: Chị Bùi Thị H xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 11/3/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào năm 2003, nhưng đến ngày 17/9/2005 thì mới đăng ký kết hôn tại UBND xã X (nay là thị trấn S), huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới thì vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng 02 năm trước thì giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, nên vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn, quan điểm của anh C là xác định vợ chồng không còn tình cảm, nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh không muốn làm ảnh hưởng đến các con.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn C xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Hậu G, sinh ngày 10/10/2003; cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 09/4/2007 và cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 02/3/2016. Quan điểm anh C là: Hiện nay cháu G đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu Q đã đi làm, có thu nhập nên anh để cho cháu lựa chọn là ở với bố hay với mẹ. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, thì anh có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh B; anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Anh Nguyễn Văn Chính X định là vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại “Bản tự khai” do cháu Nguyễn Thanh B viết ngày 15/5/2025 gửi Tòa án,

có trình bày thể hiện nguyện vọng là nếu bố mẹ ly hôn thì cháu muốn được ở với mẹ (chị H) để ổn định cuộc sống.

Tại biên bản xác minh lập ngày 28/4/2025, đại diện UBND thị trấn S cho biết: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn C có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã X (nay là thị trấn S), huyện T vào ngày 17/9/2005. Quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh C có 03 con chung là cháu Nguyễn Hậu G, sinh ngày 10/10/2003; cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 09/4/2007 và cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 02/3/2016. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng, địa phương không nắm bắt được vì gia đình không báo cáo và không yêu cầu hòa giải ở cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên xét thấy vi phạm đó không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình giải quyết vụ án.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị H. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn đối với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh B cho chị Bùi Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị H khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn C, hiện đang cư trú tại: Khu phố X, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Nguyễn Văn C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn, đã được UBND thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/9/2005, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn về tình cảm, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm, không có tiếng nói chung trong gia đình, đã thường xuyên dễ xảy ra việc cãi vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 7 năm 2023 vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, chị H một mực đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn; tại bản tự khai và tại phiên hòa giải ngày 11/3/2025 anh C cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng, nhưng có ý kiến thể hiện quan điểm là không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tiếp theo, anh C không có mặt làm việc; tại các phiên tòa anh C đều vắng mặt, điều đó thể hiện anh C không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H, xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn C đều xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Hậu G, sinh ngày 10/10/2003; cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 09/4/2007 và cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 02/3/2016.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị H và anh C, thấy rằng: Con chung là cháu Hậu G và cháu Như Q đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không xem xét. Đối với con chung là cháu Thanh B, thực tế hiện nay đang ở với chị H; Quá trình giải quyết vụ án, chị H có ý kiến xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đã chứng minh được các điều kiện để nuôi con; Anh C cũng có nguyện vọng xin được nuôi con, tuy nhiên anh C không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về các điều kiện để nuôi con và vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án từ sau phiên hòa giải ngày 11/3/2025 và vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do chính đáng, điều đó thể hiện anh C cũng không tha thiết trong việc xin được quyền trực tiếp nuôi con. Mặt khác, con chung là cháu Thanh B đã trên 7 tuổi và có ý kiến thể hiện quan điểm là xin được ở với mẹ để ổn định cuộc sống. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, xét cần thiết giao con chung là cháu Thanh B cho chị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp

với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị H và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đó, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn C đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X1:

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. *Về con chung:* Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn C có 03 (ba) con chung là cháu Nguyễn Hậu G, sinh ngày 10/10/2003; cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 09/4/2007 và cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 02/3/2016.

Giao con chung là cháu Nguyễn Thanh B cho chị Bùi Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Đối với con chung là Nguyễn Hậu G và Nguyễn Như Q đã thành niên (trên 18 tuổi) và có khả năng lao động, nên không xem xét.

3. *Về tài sản và công nợ:* Không xem xét.

4. *Về án phí:* Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006206 ngày 26/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Bùi Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Sao Vàng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến